



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO AN PHÚ

Đầu tư ngắn hạn, lộc phúc vẹn toàn

- **Thời gian đầu tư ngắn hạn**

Thời gian đóng phí ngắn hạn sẽ không làm ảnh hưởng đến các kế hoạch tài chính khác của Quý Khách hàng.

- **Tiết kiệm hiệu quả**

Bảo An Phú là giải pháp tiết kiệm phù hợp giúp Quý khách hàng đạt được các mục tiêu tài chính đa dạng trong ngắn hạn.

- **Điều chỉnh linh hoạt**

Chủ động tối đa trong kế hoạch tài chính của Quý khách hàng với những tính năng linh hoạt của sản phẩm.

- **Bảo vệ toàn diện gia đình**

Bảo vệ Quý khách hàng và gia đình trước các rủi ro trong Thời hạn hợp đồng.

Bên mua bảo hiểm:

abc

Lựa chọn quyền lợi bảo hiểm:

Cơ bản

Người lập:

0

Mã Số:

0

Ngày lập:

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM (SUN LIFE VIỆT NAM)

Trụ sở: Tầng 29, Toà nhà Vietcombank, 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84.28) 629 85 888 / Fax: (84.28) 629 85 999 / Hotline: 1800 1786

Giấy phép thành lập số 68GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24/01/2013 (đã được sửa đổi bổ sung); Vốn điều lệ 16.480 tỷ đồng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG

Đơn vị tính: Đồng

Bên mua bảo hiểm						
Tên sản phẩm	Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn đóng phí (Năm)	Thời hạn hợp đồng (Năm)
<i>Sản phẩm chính</i> Bảo An Phú	A	39	Nam	600.000.000	3	10

Thông tin về Phí bảo hiểm					
Tên sản phẩm	Phí bảo hiểm năm	Định kỳ đóng phí	Phí bảo hiểm định kỳ	Phí bảo hiểm quy năm	
<i>Sản phẩm chính</i> Bảo An Phú	30.000.000	Năm	30.000.000	30.000.000	
Tổng Phí bảo hiểm Sản phẩm chính và Bảo hiểm bổ sung	30.000.000		30.000.000	30.000.000	

Đơn vị tính: Đồng

Kế hoạch đóng Phí bảo hiểm				
Năm hợp đồng	Phí bảo hiểm cơ bản năm	Phí bảo hiểm bổ sung theo năm	Phí bảo hiểm đóng thêm theo năm	Tổng Phí bảo hiểm năm dự tính
Năm thứ 1	30.000.000	0	0	30.000.000
Năm thứ 2	30.000.000	0	0	30.000.000
Năm thứ 3	30.000.000	0	0	30.000.000
Năm thứ 4 đến Năm thứ 10	0	0	0	0

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro:

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong: được chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong.
- Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ và vĩnh viễn: được chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước 65 tuổi.

2. Quyền lợi đầu tư:

Bên mua bảo hiểm sẽ được hưởng lãi hàng tháng trên Giá trị tài khoản theo lãi suất tích lũy do Công ty công bố. Tiền lãi sẽ được cộng dồn vào Giá trị tài khoản.

Lãi suất tích lũy đầu tư bảo đảm là 5%/năm cho 5 Năm hợp đồng đầu tiên và 3%/năm cho những Năm hợp đồng tiếp theo.

3. Các quyền lợi khác:

- Quyền lợi đáo hạn: được chi trả trong trường hợp Hợp đồng còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.
- Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng: là % của Giá trị tài khoản trung bình của 36 tháng trước đó được tích lũy vào Giá trị tài khoản vào cuối Năm hợp đồng 3, 6, 9 với điều kiện Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực tại thời điểm trả thưởng.

Năm hợp đồng	3	6	9
Thưởng duy trì hợp đồng (% Giá trị tài khoản trung bình của 36 tháng trước)	6%	6%	6%

- Quyền lợi tạm ứng từ Giá trị tài khoản.
- Quyền lợi rút tiền từ Giá trị tài khoản.

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

1. Chi phí ban đầu

Chi phí ban đầu được khấu trừ từ Phí bảo hiểm trước khi phân bổ vào Tài khoản. Chi phí này thay đổi theo Năm hợp đồng và được tính theo tỷ lệ % của Phí bảo hiểm. Chi phí ban đầu áp dụng cho Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm, lần lượt theo tỷ lệ sau:

Năm	1	2	3	4	5	6	7	8	9+
Phí bảo hiểm cơ bản	50%	15%	10%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
Phí bảo hiểm đóng thêm	12%	10%	9%	8%	7%	6%	5%	5%	4%

2. Chi phí bảo hiểm rủi ro

Chi phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản để chi trả Quyền lợi bảo hiểm của hợp đồng, thay đổi theo Tuổi và Giới tính của Người được bảo hiểm.

3. Chi phí quản lý hợp đồng

Chi phí quản lý hợp đồng được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản để chi trả các chi phí liên quan đến việc quản lý và duy trì hợp đồng. Chi phí quản lý hợp đồng hiện tại là 30.000 đồng/tháng.

4. Chi phí quản lý quỹ

Chi phí quản lý quỹ hiện tại là 2%/năm và sẽ được khấu trừ từ tỷ suất đầu tư của Quỹ Liên kết chung trước khi công bố lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ được sử dụng để trang trải chi phí quản lý quỹ liên kết chung.

5. Chi phí hủy bỏ hợp đồng

Chi phí hủy bỏ hợp đồng được áp dụng khi Bên mua bảo hiểm yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng. Chi phí hủy bỏ hợp đồng được tính trên tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản như sau:

Năm	1	2	3	4	5	6	7	8	9+
% Phí bảo hiểm cơ bản	25%	20%	15%	15%	10%	10%	5%	5%	0%

BẢNG MINH HỌA

Số tiền bảo hiểm (1):

600.000.000

Quyền lợi tử vong/ Thương tật toàn bộ vĩnh viễn: Giá trị cao hơn giữa Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản

Đơn vị: đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Phí bảo hiểm Sản phẩm chính	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung	Tổng phí bảo hiểm được phân bổ	Giá trị minh họa trên mức lãi suất tích lũy đảm bảo (3)			Số tiền rút từ giá trị tài khoản (2)
					Thưởng duy trì hợp đồng	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	
1	39	30.000.000	-	15.000.000	-	13.618.242	6.118.242	-
2	40	30.000.000	-	25.500.000	-	38.872.476	32.872.476	-
3	41	30.000.000	-	27.000.000	2.383.715	69.289.409	64.789.409	-
4	42	-	-	-	-	70.347.711	65.847.711	-
5	43	-	-	-	-	71.283.429	68.283.429	-
6	44	-	-	-	4.218.484	74.903.895	71.903.895	-
7	45	-	-	-	-	74.238.366	72.738.366	-
8	46	-	-	-	-	73.335.238	71.835.238	-
9	47	-	-	-	4.409.324	76.589.341	76.589.341	-
10	48	-	-	-	-	75.315.594	75.315.594	-

Ghi chú:

- (1) Việc rút tiền có thể sẽ làm thay đổi Số tiền bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBVV.
- (2) Số tiền đang được minh họa là số tiền rút ra từ Giá trị tài khoản có bao gồm chỉ phí rút tiền.
- (3) Lãi suất tích lũy đảm bảo là 5%/năm cho 5 Năm hợp đồng đầu tiên và 3%/năm cho các Năm hợp đồng tiếp theo.

BẢNG MINH HỌA

Số tiền bảo hiểm (1):

600.000.000

Quyền lợi tử vong/ Thương tật toàn bộ vĩnh viễn: Giá trị cao hơn giữa Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản

Đơn vị: đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Phí bảo hiểm Sản phẩm chính	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung	Tổng phí bảo hiểm được phân bổ	Giá trị minh họa trên mức lãi suất tích lũy khác						Số tiền rút từ giá trị tài khoản (2)
					5,50%/Năm			6,00%/Năm			
					Thưởng duy trì hợp đồng	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Thưởng duy trì hợp đồng	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	
1	39	30.000.000	-	15.000.000	-	13.687.804	6.187.804	-	13.757.374	6.257.374	-
2	40	30.000.000	-	25.500.000	-	39.136.251	33.136.251	-	39.400.742	33.400.742	-
3	41	30.000.000	-	27.000.000	2.395.862	69.904.809	65.404.809	2.408.046	70.523.662	66.023.662	-
4	42	-	-	-	-	71.340.175	66.840.175	-	72.342.500	67.842.500	-
5	43	-	-	-	-	72.680.431	69.680.431	-	74.097.903	71.097.903	-
6	44	-	-	-	4.302.336	78.217.752	75.217.752	4.374.407	80.155.965	77.155.965	-
7	45	-	-	-	-	79.589.536	78.089.536	-	82.038.217	80.538.217	-
8	46	-	-	-	-	80.829.116	79.329.116	-	83.828.931	82.328.931	-
9	47	-	-	-	4.791.097	86.715.268	86.715.268	4.953.878	90.472.140	90.472.140	-
10	48	-	-	-	-	87.935.917	87.935.917	-	92.367.819	92.367.819	-

Ghi chú:

(1) Việc rút tiền có thể sẽ làm thay đổi Số tiền bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBVV.

(2) Số tiền đang được minh họa là số tiền rút ra từ Giá trị tài khoản có bao gồm chi phí rút tiền.

BẢNG TÓM TẮT CHI PHÍ*
Đơn vị: Đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Chi phí ban đầu	Chi phí quản lý hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bổ sung
1	39	15.000.000	360.000	1.715.969	-
2	40	4.500.000	360.000	1.784.047	-
3	41	3.000.000	360.000	1.841.218	-
4	42	-	360.000	1.983.165	-
5	43	-	360.000	2.154.069	-
6	44	-	360.000	2.332.964	-
7	45	-	360.000	2.506.287	-
8	46	-	360.000	2.720.458	-
9	47	-	360.000	2.941.881	-
10	48	-	360.000	3.154.592	-

**Dựa trên mức lãi suất tích lũy đảm bảo*

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa này, cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi được Tư vấn viên của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, các loại phí, chi phí và phương thức phân bổ, khấu trừ phí, chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung. Tôi đã nhận thức rõ và đầy đủ những quyền lợi bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm Bảo An Phú.
2. Công ty chỉ cam kết mức lãi suất tích lũy tối thiểu ở mức 5% cho 5 Năm hợp đồng đầu tiên và 3% cho những Năm hợp đồng tiếp theo.
3. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất tích lũy thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa này.
4. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn các khoản khấu trừ hàng tháng và các khoản nợ (nếu có).
5. Phí bảo hiểm được đóng theo các phương thức được quy định bởi Công ty tại từng thời điểm và các thỏa thuận khác giữa Công ty và Bên mua bảo hiểm.
6. Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và là một phần cấu thành Hợp đồng bảo hiểm.

Ngày.....tháng.....năm.....

[Họ và tên Bên mua bảo hiểm (viết bằng chữ thường)]

Tôi, Tư vấn Tài chính, ký tên vào Bảng minh họa này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa này với Bên mua bảo hiểm nêu trên một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

[Họ và tên Tư vấn tài chính (viết bằng chữ thường)]